

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch năm 2024 cho
Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và các chế độ tài chính, kế toán hiện hành;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định: Số 1512/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 về việc phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định; số 2032/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 về việc phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024; số 2467/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho Sở Nông nghiệp và PTNT; số 58/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 822/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế

hoạch năm 2024 của người quản lý Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản; Văn bản số 186/UBND-VP7 ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh Nam Định về việc tiếp nhận báo cáo xác định Quỹ tiền lương của người lao động Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản tại Tờ trình số 21/TTr-Cty ngày 08/4/2024; kết quả thẩm định kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 120/TTr-STC ngày 23/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch năm 2024 cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản, với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước	ha	27.527,56
1	Diện tích lúa	ha	17.304,90
2	Mạ, rau, màu, cây CN ngắn ngày, cây vụ đông	ha	4.578,41
3	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	862,04
4	Diện tích sản xuất muối	ha	
5	Cây CN dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu	ha	
6	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	ha	4.782,21
7	Diện tích không được hỗ trợ phải thu	ha	
II	Kế hoạch tài chính		
1	Hoạt động công ích		
a	Doanh thu	1000đ	28.520.517
-	Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm nay	1000đ	28.520.517
-	Doanh thu từ diện tích không được hỗ trợ phải thu	1000đ	
-	Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm trước	1000đ	
b	Chi phí	1000đ	28.418.535
2	Hoạt động khác		
a	Doanh thu	1000đ	226.000
-	Doanh thu từ hoạt động tài chính	1000đ	150.000
-	Doanh thu khác	1000đ	76.000
b	Chi phí	1000đ	18.000
-	Chi phí hoạt động tài chính	1000đ	

-	Chi phí khác	1000đ	18.000
III	Cân đối thu chi	1000đ	309.982
1	Lãi, lỗ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	1000đ	101.982
2	Lãi, lỗ từ hoạt động khác	1000đ	208.000
IV	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	268.382
V	Kế hoạch ngân sách hỗ trợ	1000đ	28.520.517
1	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	1000đ	28.520.517
2	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thiếu năm trước	1000đ	
VI	Kế hoạch ngân sách	1000đ	137.496
1	Tiền thuê đất	1000đ	65.000
2	Thuế GTGT	1000đ	7.500
3	Thuế TNDN, môn bài, thuế khác	1000đ	64.996
VII	Vốn chủ sở hữu	1000đ	506.251.328

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước.

2. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024 theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP3, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng